

32	FL1123	IELTS writing 1	2(2-1-0-4)		0										
33	FL1124	IELTS listening 2	2(2-1-0-4)	2											
34	FL1125	IELTS speaking 2	1(1-1-0-4)	1											
35	FL1126	IELTS reading 2	1(1-1-0-4)		1										
36	FL1127	IELTS writing 2	2(2-1-0-4)		2										
Kiến thức bổ trợ - chọn 6TC (Soft skills - 6 credits)			6												
37	ED3280	Tâm lý học ứng dụng (<i>Applied psychology</i>)	2(1-2-0-4)												
38	EM1010	Quản trị học đại cương (<i>Introduction to Management</i>)	2(2-1-0-4)						2						
39	EM1180	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp (<i>Business Culture and Entrepreneurship</i>)	2(1-1-0-4)												
40	ED3220	Kỹ năng mềm (<i>Soft skills</i>)	2(1-2-0-4)						2						
41	ET3262	Tư duy công nghệ và thiết kế kỹ thuật (<i>Technical product design</i>)	2(1-2-0-4)							2					
	ME3124	Thiết kế quảng bá sản phẩm	2(1-2-0-4)												
42	ME3123	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp (<i>Industrial fine arts</i>)	2(1-2-0-4)												
Kiến thức chuyên ngành (Professional courses)															
Cơ sở và cốt lõi ngành (Fundamental courses in Electrical Engineering)			49												
43	EE1026E	Nhập môn Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (<i>Introduction to Electrical Engineering</i>)	2(1-1-1-4)	2											
44	EE3706E Mã mới	Mạch tuyến tính I (<i>Linear Circuit I</i>) +Trọng số : 0.7	4(3-1-1-8)			4									
45	EE2001E	Tín hiệu và hệ thống (<i>Signals and Systems</i>)	3(3-0-1-6)			3									
46	EE2110E	Thiết kế điện tử (<i>Electronics design</i>)	3(3-0-1-6)				3								
47	EE3140E	Máy điện (<i>Electric machines I</i>)	3(3-0-1-6)				3								
48	EE3020E	Mạch tuyến tính II (<i>Linear Circuit II</i>)	3(3-1-0-6)				3								
49	EE3030E	Nguyên lý trường điện từ (<i>Fundamentals of Electromagnetic Field Theory</i>)	3(3-0-1-6)			3									
50	EE2023	Technical Writing and Presentation	3(2-2-0-6)					3							
51	EE3288E	Lý thuyết điều khiển tuyến tính (<i>Linear Control System</i>)	3(3-1-0-6)				3								
52	EE2130E	Thiết kế hệ thống số (<i>Digital system design</i>)	3(3-0-1-6)				3								
53	EE3110E	Kỹ thuật đo lường (<i>Measurement and Instrumentation Principles</i>)	3(3-0-1-6)					3							
54	EE3490E	Kỹ thuật lập trình (<i>Programming techniques</i>)	3(2-2-0-6)				3								
55	EE3480E	Vi xử lý và kiến trúc máy tính (<i>Microprocessor</i>)	3(3-0-1-6)					3							
56	EE3810E	Đồ án I (<i>Project I</i>)	2(0-0-4-4)						2						
57	EE3410E	Điện tử công suất (<i>Power Electronics</i>)	3(3-0-1-6)					3							
58	EE3821E	Đồ án II (<i>Project II</i>)	2(0-0-4-8)							2					

[illegible]

[illegible]